



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là ngày 20 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Nguyễn Đoàn Hùng
Ông David Tan Wei Ming
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Ji Han Yoo

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2022)

Ông Woncheol Park

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Danny Le

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, các báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Danny Le
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

18-08-2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

2-1
HÁ
TY
M
HỒ



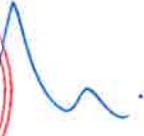
Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00415-22-1




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, 19-08-2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.780.073.599.709	8.070.249.247.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.321.090.536.342	4.934.770.809.881
Tiền	111		1.053.258.466.342	4.934.770.809.881
Các khoản tương đương tiền	112		267.832.070.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.166.900.897	44.727.841.148
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	100.229.315.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	44.937.585.897	44.727.841.148
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.838.398.091	3.083.050.602.444
Trả trước cho người bán	132		6.923.310.151	5.188.956.552
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	235.440.000.000	2.764.488.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(c)	2.475.087.940	313.373.645.892
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.977.764.379	7.699.994.013
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		838.628.722	240.363.646
Thuế phải thu Nhà nước	153	9	68.139.135.657	7.459.630.367
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		60.653.146.720.244	43.124.356.190.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.033.976.166.951	4.828.186.052
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	31.887.946.167.305	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(d)	146.029.999.646	4.828.186.052
Tài sản cố định	220		12.364.154.319	13.485.779.544
Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.364.154.319	13.485.779.544
Nguyên giá	222		50.913.097.668	49.749.135.368
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.548.943.349)	(36.263.355.824)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		28.524.897.260.099	42.995.073.255.063
Đầu tư vào các công ty con	251	7(c)	24.146.060.182.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(d)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(e)	-	14.570.165.994.964
Tài sản dài hạn khác	260		81.909.138.875	110.968.970.311
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	81.909.138.875	110.968.970.311
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		62.433.220.319.953	51.194.605.438.456

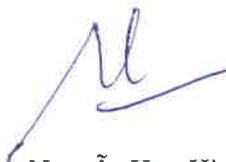
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		39.879.002.587.893	27.618.321.400.305
Nợ ngắn hạn	310		26.117.736.365.581	5.552.547.530.197
Phải trả người bán	311		45.002.530.237	41.659.055.292
Thuế phải nộp Nhà nước	313		-	50.627.569.721
Phải trả người lao động	314		62.534.936	62.999.858
Chi phí phải trả	315	12	479.427.310.546	681.849.867.065
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	13.390.703.989.862	298.038.261
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	14(a)	12.202.540.000.000	4.778.050.000.000
Nợ dài hạn	330		13.761.266.222.312	22.065.773.870.108
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	14(b)	13.761.266.222.312	22.065.773.870.108
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.554.217.732.060	23.576.284.038.151
Vốn chủ sở hữu	410	15	22.554.217.732.060	23.576.284.038.151
Vốn cổ phần	411	16	14.237.247.830.000	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	8.723.127.701.079	11.084.246.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.289.180.383.549	2.382.028.759.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.382.028.759.640	656.102.058.618
- (Lỗ) sau thuế kỳ này/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421b		(1.092.848.376.091)	1.725.926.701.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		62.433.220.319.953	51.194.605.438.456

18-08-2022

Người lập:


Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chínhDanny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	233.943.989.988	59.195.826.331
Chi phí tài chính	22	20	1.285.489.446.322	1.387.450.271.890
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.053.492.134.085	1.246.758.968.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	152.602.209.304	125.270.169.414
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(1.204.147.665.638)	(1.453.524.614.973)
Thu nhập khác	31		17.800.000	-
Chi phí khác	32		-	65.000.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		17.800.000	(65.000.000.000)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.204.129.865.638)	(1.518.524.614.973)
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành	51	22	(111.281.489.547)	-
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.092.848.376.091)	(1.518.524.614.973)

18-08-2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(1.204.129.865.638)	(1.518.524.614.973)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.285.587.525	2.699.987.458
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		95.603.790.843	(14.999.969.923)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(233.943.873.977)	(44.195.826.331)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		1.189.885.539.494	1.387.450.241.813
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(150.298.821.753)	(187.570.181.956)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		132.348.418.794	(871.610.213)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(173.295.491.915)	(8.423.206.310)
Biến động chi phí trả trước	12		(59.541.924)	(6.937.546.135)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(100.229.315.000)	-
			(291.534.751.798)	(203.802.544.614)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.073.968.230.417)	(1.198.019.754.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.365.502.982.215)	(1.401.822.298.868)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.361.046.320)	(4.030.000.000)
Tiền chi cho vay	23		(34.280.523.753.202)	(1.941.676.000.000)
Tiền thu từ cho vay	24		4.921.415.841.148	2.155.500.000.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		(5.288.000.188.341)	(1.015.101.000.000)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		31.987.936.167.305	4.320.097.521.760
Tiền thu lãi tiền gửi	27		261.677.408.929	286.069.755.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.400.855.570.481)	3.800.860.277.395

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
-------	-------------	-------------------------------	-------------------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ khoản thanh toán cho các chi phí phát hành liên quan	31	70.832.070.000	58.514.460.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	3.879.100.000.000	3.013.866.883.528
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.797.250.000.000)	(2.985.133.452.055)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(1.078.869.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	152.682.070.000	86.169.022.073
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.613.676.482.696)	2.485.207.000.600
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.934.770.809.881	202.737.784.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(3.790.843)	(30.077)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.321.090.536.342	2.687.944.755.174

18-08-2022

Người lập:


 Nguyễn Huy Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Đỗ Thị Quỳnh Trang
 Giám đốc Tài chính



 Danny Le
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu các công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp (được gọi chung là “các công ty thành viên”) và thông qua các công ty con này cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn quản trị kinh doanh tại các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Doanh thu và thu nhập của Công ty từ các hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn quản trị kinh doanh cho các công ty thành viên trong Tập đoàn được phản ánh trên các loại thu nhập: thu nhập cổ tức từ các công ty thành viên của Công ty, thu nhập lãi từ các khoản vay cấp cho các công ty thành viên của Công ty, thu nhập từ kinh doanh các tài sản tài chính và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần hoặc vốn chủ sở hữu của các công ty thành viên và các thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 90 nhân viên (1/1/2022: 65 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào thời điểm ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu và cho vay, cổ tức, lãi từ thanh lý khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu phát hành, chi phí đi vay được phân bổ, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ (gọi chung là “chi phí đi vay”), lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng hoặc lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

5. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	1.053.193.639.639	4.934.705.983.178
Các khoản tương đương tiền	267.832.070.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	1.321.090.536.342	4.934.770.809.881

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Đầu tư

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	100.229.315.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	44.937.585.897	44.727.841.148
	145.166.900.897	44.727.841.148
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (c)	24.146.060.182.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào một công ty liên kết (d)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (e)	-	14.570.165.994.964
	28.524.897.260.099	42.995.073.255.063

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2022			1/1/2022		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	1.000.000	100.229.315.000	-	-	-	-

Công ty mua các trái phiếu do một công ty con sở hữu gián tiếp phát hành nhằm mục đích nắm giữ trong thời gian ngắn (dưới 12 tháng) với lãi suất 9,3% một năm trong năm đầu tiên và 4,24% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 44.937 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2022: 44.728 triệu VND) (Thuyết minh 14(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2022		1/1/2022		Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% quyền biểu quyết							
▪ Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (“MH”)	15.287.199.980.000	99,9%	15.287.199.980.000	99,9%	-	(*)	99,9%	-	15.287.199.980.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“MML”)	2.030.991.202.463	78,7%	2.030.991.202.463	78,7%	-	(*)	78,7%	-	2.030.991.202.463	-	(*)
▪ Công ty TNHH The SHERPA (“SHERPA”)	6.727.879.000.000	99,9%	6.727.879.000.000	99,9%	-	(*)	99,9%	-	6.727.879.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Zenith Investment (“Zenith”) (**)	99.990.000.000	99,9%	99.990.000.000	99,9%	-	(*)	-	-	-	-	-
	24.146.060.182.463		24.146.060.182.463						24.046.070.182.463		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty TNHH Zenith Investment được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0317331434 ngày 8 tháng 6 năm 2022 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MH VND	MML VND	SHERPA VND	Zenith VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	15.287.199.980.000	2.030.991.202.463	6.727.879.000.000	-	24.046.070.182.463
Tăng trong kỳ	-	-	-	99.990.000.000	99.990.000.000
Số dư cuối kỳ	15.287.199.980.000	2.030.991.202.463	6.727.879.000.000	99.990.000.000	24.146.060.182.463

(d) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	% sở hữu/ vốn điều lệ	Giá trị hợp lý VND	% quyền biểu quyết/vốn điều lệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	4.378.837.077.636	14,9%	18.639.415.989.450	14,9%
			Dự phòng giảm giá VND	Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá gốc VND
			Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
			14,9%	14,9%
			4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
			-	-
			18.639.415.989.450	26.215.774.950.000

Cho mục đích thuyết minh, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	30/6/2022			1/1/2022		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”) (**)	-	-	-	-	(*)	(*)
					9,02%	9,02%
					14.570.165.994.964	14.570.165.994.964

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) CrownX là công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty TNHH The SHERPA.

Biến động khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	14.570.165.994.964	23.692.196.267.636
Tăng trong kỳ (***)	5.188.010.188.341	-
Thanh lý trong kỳ (****)	(19.758.176.183.305)	(4.320.097.521.760)
Số dư cuối kỳ	-	19.372.098.745.876

(***) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã mua lại 3,25% lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX từ một bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 5.188 triệu VND.

(****) Trong tháng 6 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX sang Zenith, một công ty con sở hữu trực tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (i):		
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	197.240.000.000	181.676.000.000
▪ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp	38.100.000.000	130.000.000.000
▪ Công ty TNHH Zenith Investment, một công ty con sở hữu trực tiếp	100.000.000	-
Phải thu cho vay từ các bên thứ ba	-	2.452.812.000.000
	235.440.000.000	2.764.488.000.000



(i) Các khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Các khoản vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Masan Blue, một công ty con sở hữu gián tiếp	31.887.946.167.305	-
	31.887.946.167.305	-

Các khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất quy định trong hợp đồng vay. Các khoản vay sẽ đáo hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi phải thu từ các bên liên quan	873.128.765	9.808.796.824
Lãi phải thu từ ngân hàng	691.994.175	-
Lãi phải thu từ các bên thứ ba	-	19.489.861.068
Phải thu từ chuyển nhượng trái phiếu hoán đổi	-	283.750.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	359.965.000	29.500.000
Phải thu khác	550.000.000	295.488.000
	2.475.087.940	313.373.645.892

(d) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi phải thu từ các bên liên quan	141.083.673.594	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.946.326.052	4.828.186.052
	146.029.999.646	4.828.186.052

Lãi phải thu ngắn hạn và dài hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và được thu vào ngày đáo hạn của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 8(a) và Thuyết minh 8(b)).

9. Thuế phải thu Nhà nước

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.679.505.290	-
	68.139.135.657	7.459.630.367

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	34.614.411.928	9.482.695.440	5.652.028.000	49.749.135.368
Tăng trong kỳ	1.066.791.600	97.170.700	-	1.163.962.300
Số dư cuối kỳ	35.681.203.528	9.579.866.140	5.652.028.000	50.913.097.668
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	27.007.649.071	8.065.892.254	1.189.814.499	36.263.355.824
Khấu hao trong kỳ	1.451.265.613	363.319.578	471.002.334	2.285.587.525
Số dư cuối kỳ	28.458.914.684	8.429.211.832	1.660.816.833	38.548.943.349
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.606.762.857	1.416.803.186	4.462.213.501	13.485.779.544
Số dư cuối kỳ	7.222.288.844	1.150.654.308	3.991.211.167	12.364.154.319

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 27.718 triệu VND (1/1/2022: 27.541 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đi vay trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	106.656.356.473	4.312.613.838	110.968.970.311
Tăng trong kỳ	-	630.239.500	630.239.500
Phân bổ trong kỳ	(28.521.108.284)	(1.168.962.652)	(29.690.070.936)
Số dư cuối kỳ	78.135.248.189	3.773.890.686	81.909.138.875

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí phải trả

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Các ngân hàng và trái chủ	431.325.906.036	440.621.017.035
▪ Các bên thứ ba khác	16.453.315.068	-
▪ Các bên liên quan	350.786.301	23.345.141.781
Phí dịch vụ chuyên môn	337.567.302	172.230.058.787
Chi phí khác	30.959.735.839	45.653.649.462
	<hr/>	<hr/>
	479.427.310.546	681.849.867.065
	<hr/>	<hr/>

Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo và phải trả vào ngày đáo hạn của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 14(a)).

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đặt cọc nhận được từ một công ty con cho một thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần (i)	12.229.759.984.000	-
Đặt cọc nhận được từ bên thứ ba cho các khoản đầu tư (ii)	1.160.700.000.000	-
Cổ tức phải trả	18.038.160	18.038.160
Phải trả ngắn hạn khác	225.967.702	280.000.101
	<hr/>	<hr/>
	13.390.703.989.862	298.038.261
	<hr/>	<hr/>

(i) Khoản này phản ánh tiền đặt cọc nhận được từ Zenith để mua lại khoản đầu tư vốn tại Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan từ Công ty. Khoản này không được đảm bảo và không chịu lãi. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn tất.

(ii) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty cam kết cung cấp lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được cho bên thứ ba theo mức được quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và trái phiếu phát hành

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)		
Vay ngắn hạn	-	3.048.650.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	12.202.540.000.000	1.729.400.000.000
	12.202.540.000.000	4.778.050.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn		
Vay dài hạn (b)	6.653.400.000.000	4.588.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	19.310.406.222.312	19.207.173.870.108
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(12.202.540.000.000)	(1.729.400.000.000)
	13.761.266.222.312	22.065.773.870.108

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		30/6/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.048.650.000.000	748.600.000.000	(3.797.250.000.000)	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.729.400.000.000	10.473.140.000.000	-	12.202.540.000.000
	4.778.050.000.000	11.221.740.000.000	(3.797.250.000.000)	12.202.540.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife, một công ty con sở hữu trực tiếp	-	2.662.750.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan, một công ty con sở hữu trực tiếp	-	385.900.000.000
	-	3.048.650.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (i)	USD	2022 - 2023	4.683.600.000.000	4.588.000.000.000
▪ Khoản vay từ Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan, một công ty con sở hữu trực tiếp (ii)	VND	2023 - 2024	1.969.800.000.000	-
			6.653.400.000.000	4.588.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(702.540.000.000)	(229.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			5.950.860.000.000	4.358.600.000.000

(i) Khoản vay hợp vốn này chịu lãi suất năm là 3,61% trong kỳ (1/1/2022: 3,61% một năm). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng của Công ty với giá trị ghi sổ là 44.938 triệu VND (1/1/2022: 44.728 triệu VND);
- 15% vốn góp và các lợi ích liên quan của một công ty con sở hữu gián tiếp; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con sở hữu gián tiếp.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các hợp đồng vay trên.

(ii) Các khoản vay này không có bảo đảm và chịu lãi suất quy định trong hợp đồng vay.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ lần lượt là 5.374.890 triệu VND và 294.800 triệu VND (1/1/2022: 2.222.501 triệu VND và 348.400 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bảo lãnh phát hành	Giá trị ghi sổ 30/6/2022 VND	Giá trị ghi sổ 1/1/2022 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương				
				Từ 9,3% đến 10,0%/năm trong Từ tháng năm đầu tiên, và từ 2,5% đến 7 năm 4,0%/năm cộng với bình quân 2022 đến lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng 1 tháng của các ngân hàng được năm 2024 chọn trong thời gian còn lại
Trái phiếu không đảm bảo	19.500.000.000.000	19.500.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(189.593.777.688)	(292.826.129.892)		
	<hr/>	<hr/>		
	19.310.406.222.312	19.207.173.870.108		
	<hr/>	<hr/>		
<i>Trong đó: Đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(11.500.000.000.000)</i>	<i>(1.500.000.000.000)</i>		
	<hr/>	<hr/>		

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các công ty con và công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt là 3.086.738 triệu VND và 600.542 triệu VND (1/1/2022: các công ty con và công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt là 2.998.351 triệu VND và 318.780 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 10.094.780 triệu VND (1/1/2022: 9.799.980 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Phát hành cổ phiếu mới Lỗ thuần trong kỳ	58.514.460.000 -	(50.000.000) -	- -	- (1.518.524.614.973)	58.464.460.000 (1.518.524.614.973)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	554.219.074.045	21.748.474.352.556
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151
Phát hành cổ phiếu mới Lỗ thuần trong kỳ	2.431.900.910.000 -	(2.361.118.840.000) -	- -	- (1.092.848.376.091)	70.782.070.000 (1.092.848.376.091)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	1.289.180.383.549	22.554.217.732.060

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần		- 8.723.127.701.079		- 11.084.246.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh cho các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022		Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền (Thuyết minh 17)	7.083.207	70.832.070.000	5.851.446	58.514.460.000
Phát hành cổ phiếu mới từ nguồn vốn chủ sở hữu	236.106.884	2.361.068.840.000	-	-
Số dư cuối kỳ	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (ESOP) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2022, Công ty đã phát hành 7.083.207 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 5.851.446 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	18.336.694.675	19.332.515.806
Từ 2 đến 5 năm	-	8.596.075.291
	18.336.694.675	27.928.591.097

(b) Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	240	5.540.354	246	5.574.163

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	12.624.856.334	37.315.370.275
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	174.581.188.987	6.880.456.056
Thu nhập lãi từ các khoản cho bên thứ ba vay	46.737.828.656	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	116.011	15.000.000.000
	233.943.989.988	59.195.826.331

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay, trái phiếu và đặt cọc nhận được từ một bên thứ ba cho các hoạt động đầu tư	1.053.492.134.085	1.246.758.968.347
Chi phí phát hành trái phiếu	103.232.352.204	102.184.543.006
Chi phí thu xếp khoản vay	33.161.053.205	38.506.730.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.603.906.828	30.077
	1.285.489.446.322	1.387.450.271.890

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.285.587.525	2.699.987.458
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác	150.316.621.779	122.570.181.956
	152.602.209.304	125.270.169.414

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hiện hành		
Dự phòng thừa trong những năm trước	(111.281.489.547)	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022		Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021	
	%	VND	%	VND
Lỗi kế toán trước thuế	100%	(1.204.129.865.638)	100%	(1.518.524.614.973)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(20,00%)	(240.825.973.128)	(20,00%)	(303.704.922.995)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,16%	1.947.078.892	0,09%	1.362.299.785
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	19,84%	238.878.894.236	19,91%	302.342.623.210
Dự phòng thừa trong những năm trước	(9,24%)	(111.281.489.547)	-	-
		(111.281.489.547)	-	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này. Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, trừ chi phí lãi vay, không bị hết hiệu lực. Chi phí lãi vay vượt mức trần theo quy định hiện hành và lỗ tính thuế được mang sang không quá 5 năm.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Các công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Khoản vay đã nhận	1.969.800.000.000	913.866.883.528
	Khoản vay đã trả	385.900.000.000	486.700.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	7.772.753.425	123.610.615.514
	Khoản cho vay đã cấp	2.112.200.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	2.112.200.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	26.761.906.849	-
	Thanh toán lãi trái phiếu	33.944.700.276	-
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	-	1.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	-	1.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	1.395.500.000.000
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	-	2.319.404.110
	Thanh lý các khoản đầu tư	-	4.320.097.521.760
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Khoản vay đã trả	2.921.350.000.000	150.000.000.000
	Khoản vay đã nhận	258.600.000.000	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	12.207.522.956	-
	Thanh toán lãi trái phiếu	86.459.153.425	373.972.603

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Công ty TNHH Zenith Investment	Góp vốn	99.990.000.000	-
	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vốn	19.758.176.183.305	-
	Đặt cọc nhận được	12.229.759.984.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	100.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	17.808	-
	Các công ty con sở hữu gián tiếp		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Chi phí công nghệ thông tin	1.091.200.002	2.004.729.142
	Mua hàng hóa	28.107.435	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khoản vay đã trả	-	1.143.479.452.055
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	-	4.270.116.650
	Khoản cho vay đã cấp	197.240.000.000	241.676.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	181.676.000.000	60.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	6.216.074.299	3.439.134.138
	Thu nhập từ đầu tư trái phiếu	691.994.175	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Khoản vay đã nhận	330.000.000.000	-
	Khoản vay đã trả	330.000.000.000	500.000.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	9.324.739.726	2.652.602.740
	Khoản cho vay đã cấp	-	700.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	700.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	-	1.121.917.808
	Thanh toán lãi trái phiếu	82.886.260.788	-
Công ty TNHH MEATDeli HN	Mua hàng hóa	1.121.798.493	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng hóa	84.823.993	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần Mobicast	Khoản cho vay đã cấp	38.100.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	130.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	519.516.437	-
	Mua hàng hóa	40.520.504	-
Công ty Cổ phần Masan Blue	Khoản cho vay đã cấp	31.887.946.167.305	-
	Thu nhập lãi cho vay từ các khoản vay đã cấp	141.083.673.594	-
Bên liên quan khác			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	-	1.400.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	-	38.210.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	-	1.507.775.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	-	1.507.775.000.000
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (**)	21.247.610.339	16.137.261.373

(*) Tại ngày và các cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và 2021.

24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	-	50.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

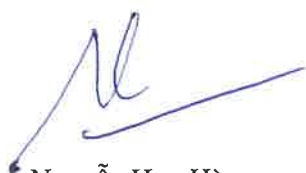
25. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Trong tháng 7 năm 2022, Công ty đã chi cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 1.138.980 triệu VND cho các cổ đông tương đương 8% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc ký kết thỏa thuận tín dụng cho khoản vay hợp vốn với các ngân hàng với số tiền là 205 triệu USD, kèm theo quyền chọn gia tăng khoản vay thêm 45 triệu USD.

18-08-2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc



